TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 36/2023/QĐST-HNGĐ	*V, ngày 19 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 54/2023/TLST-VDS ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1993.

Địa chỉ cư trú: Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Chị Chu Thị G, sinh năm 1995.

Địa chỉ cư trú: Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc T kết hôn với chị Chu Thị G trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 01 năm 2017 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Trước khi kết hôn anh, chị chung sống như vợ chồng với nhau đến khi gần sinh con Phạm Ngọc Gia B thì anh T và chị M mới đi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối tháng 1 năm 2017. Nguyên nhân: do tính cách giữa anh, chị mỗi người một khác, quan điểm bất đồng, không thể hòa hợp được, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Mặc dù anh T và chị G cũng đã cố gắng để thay đổi bản thân và tìm mọi biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Gia đình hai bên cũng đã động viên, hòa giải nhưng thực trạng vợ chồng giữa anh T và chị G vẫn không khá hơn. Tuy anh T và chị G cùng chung sống dưới một mái nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay anh T và chị G đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] Về nuôi con chung: Anh Phạm Ngọc T và chị Chu Thị G đều trình bày: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Ngọc Gia B, sinh ngày 31tháng 01 năm 2017. Sau khi ly hôn, anh T và chị G thống nhất thỏa thuận: giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Ngọc Gia B, anh T không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Chị G có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi cần thiết.

[3] Về tài sản chung: Anh Phạm Ngọc T và chị Chu Thị G thống nhất: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Phạm Ngọc T và chị Chu Thị G mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Xét thấy, sự thỏa thuận của anh T, chị G là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội .

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc T và chị Chu Thị G thuận tình ly hôn.

1.2. Về nuôi con chung: Anh Phạm Ngọc T và chị Chu Thị G thống nhất thỏa thuận: Sau khi ly hôn, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Ngọc Gia B, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2017. Anh T không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị G có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi cần thiết.

1.3. Về tài sản chung: Anh Phạm Ngọc T và chị Chu Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Ngọc T và chị Chu Thị G mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai số 0001808 và Biên lai số 0001809 ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện V;
- UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình (GCNKH số 03/2017 ngày 05/01/2017);
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ việc dân sự;
- Lưu HCTP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)